TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI VHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **43**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04/10/2019
V/v"Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG – BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Lấy
Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Trọng Di
2/ Bà NguyễnThị Bích Lam
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà Bích Thị Kim Pháp – Cán bộ tòa án nhân dân huyện Tuy Phong
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quí – Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 354/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc " *Không công nhận là vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXX, ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu L**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Dân phố 18, khu phố 1, thị trấn C, huyện T, Bình Thuận (Có mặt);

Bị đơn: Ông **Nguyễn Q**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Dân phố 23, khu phố 3, thị trấn C, huyện T, Bình Thuận *(Xin vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 28 tháng 6 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, nguyên đơn bà Trần Thị Thu L trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Q chung sống với nhau vợ chồng năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai nhưng không đăng ký kết hôn, do không am hiểu biết pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q có mối quan hệ với người phụ nữ khác và đang sống chung với người phụ nữ đó như vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà với ông Nguyễn Q là vợ chồng.

Về con chung của vợ chồng: Có 04 người con, tên Trần Thanh Tuấn, sinh năm ngày 01/9/1992, Trần Thanh Thúy, sinh ngày 06/8/1994, Trần Thanh Tâm, sinh ngày 10/10/1996, Trần Thanh Thuận, sinh ngày 21/6/2006. Hiện 03 người con đã trưởng thành, còn Trần Thanh Thuận đang sống chung với bà, bà xin nhận nuôi dưỡng, giáo dục Trần Thanh Thuận đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Q trình bày các lời khai tại tòa: Ông và bà Trần Thị Thu L sống chung như vợ chồng vào năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, lý do không am hiểu pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng, thời gian đầu vợ chồng ông sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ sống không hợp nhau dẫn đến cãi vả, bà L không đồng ý sống chung với bà nữa, rồi tự làm đơn xin yêu cầu không công nhận vợ chồng, tại Tòa ông đồng ý theo yêu cầu của bà L và ông không có ý kiến gì.

Về con chung của vợ chồng: có 04 người con, tên Trần Thanh T, sinh năm ngày 01/9/1992, Trần Thanh T1, sinh ngày 06/8/1994, Trần Thanh T2, sinh ngày 10/10/1996, Trần Thanh T3, sinh ngày 21/6/2006. Hiện 03 người con đã trưởng thành, còn Trần Thanh T3đang sống chung với bà L, bà L xin nhận nuôi dưỡng, giáo dục Trần Thanh T3 đến khi trưởng thành và ông đồng ý, không có ý kiến gì.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Thu L và ông Nguyễn Q là vợ chồng

Về con chung: Giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thanh T3, sinh ngày 21/6/2006 đến khi các con trưởng thành.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí ly theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Thủ tục tố tụng: Ngày 12/9/2019 ông Nguyễn Q có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thu L và ông Nguyễn Q có nơi cư trú tại thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-*Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu L và ông Nguyễn Q là quan hệ hôn nhân bất hợp pháp do bà L và ông Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1991 không đăng kết hôn nhưng cũng không đăng ký kết hôn trễ hạn mà pháp luật quy định. Qua xác minh tại UBND thị trấn Phan Rí Cửa thì trong sổ lưu việc đăng ký kết hôn từ năm 1991 đến nay, không có danh sách lưu trong sổ bộ. Chứng tỏ bà L và ông Q không đến UBND thị trấn Phan Rí Cửa để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà L và ông Q đều xác nhận rằng vợ chồng ông bà có sống hạnh phúc một thời gian dài, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, do thường xuyên cãi vả, nguyên nhân xuất phát đều do ông Q có mối quan hệ với người đàn bà khác và sống chung với nhau như vợ chồng, từ đó quan hệ vợ chồng đỗ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L có đơn đề nghị không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Q, ông Q không có ý kiến hay phản đối gì và đồng ý theo yêu cầu của bà L. Do giữa bà L và ông Q lấy nhau không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà giữa bà L và ông Q là quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận. Nên căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 9/6/2000 của Quốc hội để tuyên xử không công nhận là vợ chồng giữa giữa bà L và ông Q.

- *Về con chung*: Tại Tòa bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung Trần Thanh T3, yêu cầu của bà L, ông Q đồng ý. Bà L cam đoan sẽ đảm bảo tốt cho con về mọi mặt. Nguyện vọng của con cũng xin được ở với bà L. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, giao cho bà L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Trần Thanh T3 đến khi trưởng thành.

-*Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Q.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung*: Không có.

- *Về án phí:* Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

[1] Áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc Thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Thu L và ông Nguyễn Q là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thanh T3, sinh ngày 21/6/2006 đến khi con trưởng thành.

Bà L không được ngăn cản ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0029451, ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã (Thị trấn);
- Lưu hồ sơ.

Lý Văn Lấy